TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST Ngày: 30/7/2018 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hữu và bà Lê Thị Thanh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng A Tằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2018/TLST-HN&GĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lò Thị T**; sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên, (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Quàng Văn T**; sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại: Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Điện Biên; địa chỉ: C1, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin hôn ly, tranh chấp về nuôi con ngày 07/5/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lò Thị T trình bày: Chị Lò Thị T, anh Quàng Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 2006, đến ngày 22/3/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai cản trở, ép buộc. Cuộc sống hai vợ chồng kể từ ngày kết hôn hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghiện chất ma túy, chị T nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không cai nghiện được chất ma túy. Anh T bị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Điện Biên từ năm 2017 cho đến nay. Hiện tại chị T không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Tại bản tự khai, đơn xin vắng mặt bị đơn, anh Quàng Văn T khai: Anh Quàng Văn T và chị Lò Thị T kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai cản trở, ép buộc. Trong thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 anh T đã sử dụng chất ma túy, nên vợ chồng xuất hiện mâu thuẫn. Tháng 10/2017 anh T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nay chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn, anh T chưa nhất trí ly hôn, đợi anh T trở về địa phương mới giải quyết ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, do anh T đang cai nghiện không thể có mặt tại các buổi làm việc của Tòa cũng như tại phiên Tòa xét xử; vì vậy, anh Quàng Văn T đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và được Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T thống nhất khai có 01 con chung, cháu Quàng Thị Phương H, sinh ngày 07/11/2007; chị Lò Thị T có 01 con riêng cháu Lò Thị D, sinh ngày 16/02/2002; hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Quàng Thị Phương H và cháu Lò Thị D là con riêng của chị; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, vì anh T đang bị cai nghiện bắt buộc không có điều kiện. Anh T nhất trí giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng do anh đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không có yêu cầu, kiến nghị và kháng nghị gì. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Quàng Văn T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh T tại phiên tòa.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2011 của UBND xã M

xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T trình bày do anh T nghiện chất ma túy. Chị Lò Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Quàng Văn T không nhất trí giải quyết ly hôn.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị Lò Thị T về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa; phù hợp với lời khai của anh Quàng Văn T về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình, do anh T nghiện chất ma túy. Hội đồng xét xử nhận định, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh T; vợ chồng không còn yêu T, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị T, anh T đã trầm trọng, không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được.

Sau khi thụ lý Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vì anh Quàng Văn T đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Điện Biên. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh T đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Chị Lò Thị T không còn tình cảm vợ chồng với Lò Văn T, không ai quan tâm tới ai; căn cứ tình trạng hôn nhân, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T.

[4] Về con chung: Tại bản tự khai anh Quàng Văn T nhất trí, sau khi ly hôn, giao cháu Quàng Thị Phương H, sinh ngày 07/11/2007 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chưa cấp dưỡng nuôi con. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cháu Quàng Thị Phương H và con riêng của chị cháu Lò Thị D, không yêu cầu anh Lò Văn T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu về nuôi con sau ly hôn của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của con, có căn cứ theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản và nợ chung:

Về tài sản chung: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lò Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Quàng Văn T (tên gọi khác Quàng Văn Thiên).

2. Về con chung:

Chị Lò Thị T có nghĩa vụ, quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Quàng Thị Phương H, sinh ngày 07/11/2007 và con riêng cháu Lò Thị D sinh ngày 16/02/2002. Chị T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T có quyền yêu cầu anh Quàng Văn T cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu anh T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Quàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Lò Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/7/2018).

Anh Quàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại: Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Điện Biên; địa chỉ: C1, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thùy **Dương Thị Hữu** **Nguyễn Việt Hương**

Nơi nhận
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã Nà Tòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Việt Hương